

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 30.- 5.- 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Năm**

2. Ông **Nguyễn Vũ Hạnh Phúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1049/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thanh N**; sinh năm: 1969; cư trú tại ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**; sinh năm: 1969; cư trú tại Đường L, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Phạm Thị Thanh N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/11/2009. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T cờ bạc, nợ nần và không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng 7/2017. Nay, bà N nhận

thấy không thể hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 25/7/2012, hiện con đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 20/11/2017, bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông xác nhận ông và bà N chung sống có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phú Q (05 tuổi). Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng vẫn giải quyết ổn thỏa. Tuy nhiên, nay bà N xin ly hôn ông đồng ý với điều kiện bà N giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà Phạm Thị Thanh N trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến có trong hồ sơ, cụ thể yêu cầu được ly hôn với ông T, được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, ông đồng ý ly hôn với bà N vì vợ chồng có quá nhiều bất đồng không thể hòa giải, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, bà N yêu cầu ly hôn với ông T, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do hồ sơ vụ án không có thu thập chứng cứ; không có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8.

Bị đơn - ông T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã lập Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được (02 lần) để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 200/KH, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2009, cùng lời khai của bà N và ông T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và ông T cũng đồng ý, ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 25/7/2012. Cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Bà N có nhà riêng, có thu nhập khoảng 10.000.000 đ/tháng (Mười triệu đồng một tháng) từ công việc buôn bán gần nhà (có xác nhận của địa phương nơi bà N sinh sống). Ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh có thu nhập ổn định, đồng thời ông không có nhà riêng, đang sống nhờ nhà cha mẹ, thời gian đi làm từ sáng sớm đến 19 giờ, 20 giờ đêm mới về tới nhà. Như vậy, ông T không đảm bảo điều kiện về kinh tế lẫn thời gian để có thể chăm sóc tốt cho con. Mặt khác, hiện trẻ Q đang sống cùng bà N. Do đó, để giữ sự ổn định đời sống của trẻ, để trẻ có được sự phát triển tốt nhất nên việc chấp nhận yêu cầu giao trẻ Q cho bà N nuôi dưỡng là

có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) bà N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh N về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 200/KH, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2009).

- Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 25/7/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị Thanh N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013517 ngày 31/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Thanh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường C, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

